

Số: /TTYT

Lục Ngạn, ngày 24 tháng 8 năm 2022

V/v: Đề nghị báo giá hóa chất xét
nghiệm miễn dịch

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh trang thiết bị y tế

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định về một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-SYT ngày 17/01/2022 về việc giao dự toán NSNN năm 2022 (lần 1) của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang;

Để có căn cứ lập dự toán mua hóa chất xét nghiệm miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Đơn vị theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn có liên quan, Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn đề nghị các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh trang thiết bị y tế có khả năng cung cấp hàng hoá (*chi tiết danh mục, số lượng hàng hoá đề nghị cung cấp báo giá tại phụ lục đính kèm*) gửi báo giá đến Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn để đơn vị tổ chức xem xét, đánh giá thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

Ghi chú: Thông số kỹ thuật nêu tại phụ lục đính kèm là thông số kỹ thuật tham khảo. Các đơn vị báo giá có thể báo giá hàng hoá có đặc tính, tính năng và thông số kỹ thuật tương đương. Hàng hoá báo giá phải đảm bảo phù hợp với trang thiết bị hiện có của Chủ đầu tư là: Máy xét nghiệm miễn dịch Model: **AIA 360**, Hãng sản xuất/ Xuất xứ: **TOSOH/ Nhật Bản**

Chi tiết mẫu báo giá theo phụ lục đính kèm.

Địa chỉ nhận báo giá:

- Địa chỉ hộp thư điện tử của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn: **trungtamytelucngan@bacgiang.gov.vn** hoặc địa chỉ mail: **trungtamytelucngan@gmail.com**.

- Địa chỉ nhận bản gốc báo giá: Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn, địa chỉ: Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Số điện thoại liên hệ: Đ/c Phạm Đức Thương – Trưởng Khoa Dược, vật tư TTBYT: 0912.524.359

Thời gian nhận báo giá từ ngày **24/8/2022** đến hết **16 giờ 30 phút ngày 29/8/2022**.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Sinh

PHỤ LỤC

(Kèm theo văn bản số **số /TTYT** ngày 24/8/2022 của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn)

BÁO GIÁ HÀNG HOÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn

Chúng tôi, Công ty (Tên Đơn vị)....., có địa chỉ tại:

Chúng tôi cam kết là đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý trang thiết bị y tế.

Căn cứ danh mục hàng hoá đề nghị báo giá của Quý Cơ quan, Chúng tôi báo giá đơn giá hàng hoá như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Chủng loại trang thiết bị y tế;	Hãng, nước sản xuất; hãng, nước chủ sở hữu	Phân nhóm theo TT 14/20 20/TT -BYT	Đơn giá kê khai theo quy định tại ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1.	Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư CA 15-3 Thông số kỹ thuật: Xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 15-3 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 15-3 và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA 15-3 (đối với CA 15-3 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide					Test	60		
2.	Hóa chất xét nghiệm định lượng β HCG II Thông số kỹ thuật: Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng β HCG II và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng β HCG II được tổng hợp với					Test	600		

	alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide								
3.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CEA Thông số kỹ thuật: Hóa chất hiệu chuẩn CEA ZERO Calibrator (1) 0 ng/L Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của CEA, chất bảo quản natri azide Hóa chất hiệu chuẩn CEA Positive Calibrator 50 ng/L Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của CEA, chất bảo quản natri azide.					ml	4		
4.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA-125 Thông số kỹ thuật: Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (1) 0 U/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 125, chất bảo quản natri azide. Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (2) 8 U/mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (3) 32 U/mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (4) 128 U/mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (5) 500 U/mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 125 Calibrator (6) 1,100 U/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ CA 125, chất bảo quản natri azides (được làm đông khô)					ml	6		
5.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA15-3 Thông số kỹ thuật: Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (1) 0 mg/L Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của CA 15-3, chất bảo quản natri azide. Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (2) 1.2 U/mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (3) 2.4 U/L 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (4) 4.8 U/mL 2x1 ml Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (5) 9.5 U/mL Hóa chất hiệu chuẩn CA 15-3 Calibrator (6) 21 U/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ CA 15-3					ml	6		

	được chỉ định, chất bảo quản natri azides.								
6.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Beta-HCGII Thông số kỹ thuật: Hóa chất hiệu chuẩn β HCG II Calibrator (1) 0 mIU/mL Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của β HCG, chất bảo quản natri azide. Hóa chất hiệu chuẩn β HCG II Calibrator (2) 6.5 mIU/mL Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (3) 50 mIU/mL Hóa chất hiệu chuẩn β HCG II Calibrator (4) 200 mIU/mL Hóa chất hiệu chuẩn β HCG II Calibrator (5) 1,000 mIU/mL Hóa chất hiệu chuẩn β HCG II Calibrator (6) 2,250 mIU/mL Huyết thanh người chứa nồng độ β HCG được chỉ định (mô tả trên mỗi lọ) (được đông khô). Chất bảo quản natri azide.					ml	6		
7.	Hóa chất kiểm tra mức II Thông số kỹ thuật: Hóa chất kiểm tra Multi Control Level 2 (đông khô)					ml	5		
8.	Hóa chất rửa Thông số kỹ thuật: Dung dịch đệm với chất tẩy và chất kìm hãm vi khuẩn					ml	800		
9.	Hóa chất pha loãng Thông số kỹ thuật: Dung dịch đệm với chất tẩy.					ml	400		
10.	Hóa chất nền Thông số kỹ thuật: Methylumbelliferyl photphat, chất ổn định, chất bảo quản natri azide (đông khô). hóa chất nền Substrate Reconstituent II, chất đệm chứa chất bảo quản natri azide (dạng lỏng).					ml	600		
11.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Free PSA Thông số kỹ thuật: Hóa chất hiệu chuẩn free PSA Calibrator (1) 0 ng/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của free PSA, chất bảo quản natri azide.					ml	6		

	Hóa chất hiệu chuẩn free PSA Calibrator (2) 0.2 µg/mL Hóa chất hiệu chuẩn free PSA Calibrator (3) 1 µg/mL Hóa chất hiệu chuẩn free PSA Calibrator (4) 5 µg/L mL Hóa chất hiệu chuẩn free PSA Calibrator (5) 10 µg/L Hóa chất hiệu chuẩn free PSA Calibrator (6) 23 µg/L Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được chỉ định của free PSA , chất bảo quản natri azide.								
12.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng PSAII Thông số kỹ thuật: Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (1) 0 ng/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của PSA, chất bảo quản natri azide. Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (2) 0.2 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (3) 2 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (4) 10 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (5) 50 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn PSA II Calibrator (6) 110 ng/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được chỉ định của PSA , chất bảo quản natri.					ml	6		
13.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AFP Thông số kỹ thuật: Hóa chất hiệu chuẩn AFP ZERO Calibrator (1) 0 ng/L Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của AFP, chất bảo quản natri azide Hóa chất hiệu chuẩn AFP Positive Calibrator 50 ng/L Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của AFP, chất bảo quản natri azide					ml	2		
14.	Hóa chất xét nghiệm định lượng TT3 Thông số kỹ thuật: Cốc thử nhựa chứa ≥12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của cừu kháng T3 và 125 µL của T3 được kết hợp với phosphatase kiềm của bò và ANS, chất bảo quản natri azide.					Test	100		
15.	Hóa chất xét nghiệm định lượng Free T4\ Thông số kỹ thuật:					Test	100		

	Cốc thử nhựa chứa ≥ 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đa dòng của thỏ kháng T4 và 140 μL thyrozone (T4) được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide								
16.	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH Thông số kỹ thuật: Xét nghiệm định lượng TSH (3rd Generation) cốc thử nhựa chứa ≥ 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của chuột kháng TSH và 50 μL kháng thể đơn dòng của chuột kháng TSH được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide					Test	80		
17.	Hóa chất xét nghiệm định lượng cTnI Thông số kỹ thuật: Xét nghiệm định lượng cTnI thế hệ thứ 3 Cốc nhựa chứa ≥ 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTNI3RD-GEN và 140 μL kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTNI3RD-GEN được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide					Test	80		
18.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng cTnI Thông số kỹ thuật: Chất hiệu chuẩn cTnI 3rd-Gen Calibrator (1) 0 ng/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò không chứa nồng độ có thể phát hiện của cTnI, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng). Hóa chất hiệu chuẩn cTnI 3rd-Gen Calibrator (2) 0.2 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn cTnI 3rd-Gen Calibrator (3) 1.0 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn cTnI 3rd-Gen Calibrator (4) 5.0 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn cTnI 3rd-Gen Calibrator (5) 20.0 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn cTnI 3rd-Gen Calibrator (6) 60.0 ng/mL Chất đệm albumin huyết thanh bò chứa nồng độ được chỉ định của cTnI , chất bảo quản natri azide (đông khô).					ml	6		
19.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TSH3G Thông số kỹ thuật:					ml	6		

	<p>Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TSH</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (1) 0 μIU/mL</p> <p>Protein nền không chứa nồng độ có thể phát hiện của TSH, chất bảo quản natri azide.</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (2) 0.2 μIU/mL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (3) 5.0 μIU/mL</p> <p>ml Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (4) 25 μIU/mL</p> <p>ml Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (5) 50 μIU/mL</p> <p>ml Hóa chất hiệu chuẩn TSH 3rd-Gen Calibrator (6) 110 μIU/mL</p> <p>Protein nền chứa nồng độ được chỉ định của TSH 3rd-Gen , chất bảo quản natri azide.</p>								
20.	<p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng TT3</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (1) 0 ng/mL</p> <p>Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của T3, chất bảo quản natri azide.</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (2) 0.5 ng/mL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (3) 1.0 ng/mL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (4) 2.0 ng/mL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (5) 4.5 ng/mL</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn TT3 Calibrator (6) 9.0 ng/mL</p> <p>Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của T3 (mô tả trên mỗi lọ), chất bảo quản natri azide.</p>					ml	6		
21.	<p>Hóa chất hiệu chuẩn FT4</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng FT4</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (1) 0 ng/dL</p> <p>Huyết thanh người không chứa nồng độ có thể phát hiện của FT4, chất bảo quản natri azide (đông khô).</p> <p>Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (2) 0.4 ng/dL</p>					ml	6		

	Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (3) 1.0 ng/dL Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (4) 2.0 ng/dL Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (5) 4.0 ng/dL Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (6) 9.0 ng/dL Huyết thanh người chứa nồng độ được chỉ định của FT4 , chất bảo quản natri azide (đông khô).								
22.	Hóa chất xét nghiệm định lượng SCC Thông số kỹ thuật: Cốc nhựa chứa ≥ 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng SCC và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng SCC được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide						Test	20	
23.	Hóa chất kiểm tra cho xét nghiệm SCC Thông số kỹ thuật: Hóa chất kiểm tra SCC Control Level 1, protein nền chứa xấp xỉ 3.0 ng/mL SCC (đông khô). Hóa chất kiểm tra SCC Control Level 2, protein nền chứa xấp xỉ 50 ng/mL SCC (đông khô)						ml	2	
24.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng SCC Thông số kỹ thuật: Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng SCC Hóa chất hiệu chuẩn SCC Calibrator (1) 0 ng/mL Protein nền không chứa nồng độ có thể phát hiện của hGH, chất bảo quản natri azide (dạng lỏng). Hóa chất hiệu chuẩn SCC Calibrator (2) 1.0 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (3) 3.0 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (4) 15 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (5) 50 ng/mL Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator (6) 120 ng/mL Protein nền chứa nồng độ được chỉ định của SCC (mô tả trên mỗi lọ) (đông khô).						ml	6	
Tổng giá trị thành tiền Bằng chữ:									

Đơn giá trên là trọn gói, đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế và các loại chi phí có liên quan theo quy định của Nhà nước để thực hiện gói thầu, hàng hoá được bàn giao, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành tại Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản chi phí nào khác.

Gửi kèm báo giá là:

1. Bản chụp tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế (Đóng dấu treo của Công ty);
Báo giá này có hiệu lực tối đa 60 ngày kể từ ngày báo giá.

....., ngày **tháng 8 năm 2022**
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)